TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10-09-2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phúc An Hoành,

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Anh Tuấn,

2. Bà Nguyễn Thị Bích Hằng.

- Thư ký phiên toà: Bà Bàn Thị Bích Duyên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang *tham gia phiên tòa*: Bà Chu Thị Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 114/2021/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2021; quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Chị **Ma Thị D**, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh T, *vắng mặt* (*chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

2. **Bị đơn**: Anh **Quan Văn D**, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh T, *vắng mặt, phiên tòa triệu tập lần thứ 02*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Ma Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Quan Văn D được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25/3/2016 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh T. Sau khi kết hôn chị và anh D chung sống tại thôn

B, xã T, huyện C, tỉnh T. Cuộc sống vợ chồng sống được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D lô đề, cờ bạc, chị nghi ngờ anh D không chung thủy vợ chồng. Chị và anh D đã sống ly thân được 02 năm (từ năm 2019 đến nay), từ khi ly thân chị và anh D không còn chung sống với nhau, kinh tế không còn liên quan đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Quan Văn D.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh D có 02 người con chung tên là Quan Thị Thanh T, sinh ngày 31/7/2016 và Quan Quỳnh A, sinh ngày 05/6/2019. Nay ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị D xác định tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập anh Quan Văn D đến để giải quyết việc chị Ma Thị D đề nghị ly hôn, nhưng anh D không có mặt và không có ý kiến trình bày đối với các nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Ma Thị D. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh Quan Văn D vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã T, huyện C, tỉnh T.

Theo lời khai của chị Nguyễn Thị D1 (là chị dâu của anh Quan Văn D) thì chị Ma Thị D và anh Quan Văn D được tự nguyện tìm hiểu, được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới anh D, chị D chung sống cùng bố mẹ anh D. Anh D, chị D sống được một thời gian ngắn tại thôn B, xã T, huyện C, tỉnh T. Sau đó cả hai anh chị đi làm công nhân, chỉ những ngày nghỉ lễ mới về chung sống cùng gia đình. Chị được biết anh D và chị D đi làm công nhân mỗi người một nơi, mâu thuẫn cụ thể của anh D, chị D như thế nào chị không rõ. Quá trình chung sống anh D, chị D có 02 người con chung tên là Quan Thị Thanh T, sinh năm 2016 và Quan Quỳnh A, sinh năm 2019. Hiện nay anh D đang đi làm công nhân ở Hải Phòng, về địa chỉ cụ thể của anh D như thế nào chị không rõ nên chị không cung cấp cho Tòa án được. Gia đình chị có biết chị D làm đơn xin ly hôn với anh D và thông báo cho anh D biết nội dung. Anh D có nói là vợ chồng không còn quan tâm nhau, không cùng chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về

việc giải quyết vụ án, áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"* của chị Ma Thị D; cho chị Ma Thị D được ly hôn với anh Quan Văn D.

- Về con chung: Giao cháu Quan Thị Thanh T, sinh ngày 31/7/2016 và Quan Quỳnh A, sinh ngày 05/6/2019 cho chị Ma Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Quan Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Ma Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Ma Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn với anh Quan Văn D; anh Quan Văn D có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã T, huyện C, tỉnh T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Quan Văn D có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Theo thông tin từ gia đình, anh D đi làm ăn xa tại thành phố Hải Phòng nhưng không thông báo địa chỉ cụ thể nên hiện tại không rõ anh D đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án thông báo, triệu tập, gia đình anh D đã thông báo cho anh D nhưng anh D không có mặt tại Tòa án và cũng không thông báo địa chỉ cụ thể nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, thực hiện các thủ tục niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Quan Văn D vẫn vắng mặt lần thứ hai, chị Ma Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị D và anh Quan Văn D có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/3/2016 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Qua kết quả xác minh tại thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang cho thấy: Sau ngày cưới chị D, anh D chung sống với nhau tại thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang và đi làm công nhân cùng nhau. Nguyên nhân cụ thể đại diện thôn không nắm được do anh chị không báo đến tổ hòa giải của thôn để hòa giải. Đến khoảng tháng 5 năm 2021 thôn có biết thông tin chị D xin ly hôn với anh D tại Tòa án. Đại diện gia đình anh D cung cấp là không biết rõ nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chị D, anh D nhưng hiện chị D, anh D không chung sống với nhau, không còn quan tâm đến nhau và đã thông báo cho anh D biết nội dung chị D xin ly hôn với anh D, anh D đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị D, anh D thực tế đã không tồn tại từ năm 2019 đến nay; chị D, anh D đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị D và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị D là xử cho chị Ma Thị D được ly hôn với anh Quan Văn D.

[2.2] Về con chung: Chị D, anh D có 02 con chung là Quan Thị Thanh T, sinh ngày 31/7/2016 và Quan Quỳnh A, sinh ngày 05/6/2019. Xét thấy hiện anh Quan Văn D không có địa chỉ cư trú rõ ràng nên cần giao các cháu Quan Thị Thanh T và Quan Quỳnh A cho chị Ma Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Chị D xác định tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị D xác định không có, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Ma Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 272 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"* của chị Ma Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ma Thị D được ly hôn với anh Quan Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Quan Thị Thanh T, sinh ngày 31/7/2016 và cháu Quan Quỳnh A, sinh ngày 05/6/2019 cho chị Ma Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Quan Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Chị Ma Thị D phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003444, ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Anh Quan Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Ma Thị D và anh Quan Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã T (Nơi ĐKKH) ;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký*)

Phúc An Hoành